

Số: 40/2011/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 16 tháng 12 năm 2011

NGHỊ QUYẾT

**Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND
ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính
sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi
trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Bộ Tài Chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015; Báo cáo thẩm tra số 43/BC-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 13/2009/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung đến năm 2015 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục I “Danh mục và quy mô chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung” (*chi tiết có Phụ lục I kèm theo*).

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục II “Quy mô của dự án trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung” (*Chi tiết có Phụ lục II kèm theo*).

3. Sửa đổi, bổ sung Mục 7 như sau:

“ 7. Hỗ trợ đầu tư

7.1. Về cây trồng: Hỗ trợ một lần giá trị giống, cụ thể cho từng loại cây trồng sau:

a) Cây lúa chất lượng cao, cây lạc, cây đậu tương, cây rau: hỗ trợ một lần cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây lúa chất lượng cao 1.700.000 đồng/ha; cây lạc 6.000.000 đồng/ha; cây đậu tương 1.300.000 đồng/ha; rau (khoai tây 18.000.000 đồng/ha; cà chua 4.000.000 đồng/ha; rau khác 4.300.000 đồng/ha).

b) Cây cam, cây bưởi và cây chuối: Hỗ trợ một lần đối với trồng mới cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa cho cây cam 11.000.000 đồng/ha; bưởi 6.600.000 đồng/ha và cây chuối 5.200.000 đồng/ha.

7.2. Về vật nuôi: Hỗ trợ một lần cho tổ chức, cá nhân chăn nuôi trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung, cụ thể:

a) Chăn nuôi lợn:

- Chăn nuôi lợn sinh sản: Mức hỗ trợ tối đa 1.500.000 đồng/con lợn nái sinh sản; 3.000.000 đồng/con lợn đực giống ngoại (đủ tiêu chuẩn giống theo quy định).

- Chăn nuôi lợn thịt hướng nạc: mức hỗ trợ tối đa 200.000 đồng/con.

b) Chăn nuôi trâu, bò:

- Hỗ trợ kinh phí giám định, bình tuyển chất lượng đàn trâu, bò đực; trâu, bò cái sinh sản phục vụ công tác cải tạo, nâng cao chất lượng đàn trâu, bò. Mức hỗ trợ 10.000 đồng/con.

- Hỗ trợ mua trâu, bò đực giống (đủ tiêu chuẩn giống theo quy định): Mức hỗ trợ tối đa 10.000.000 đồng/con trâu, 7.000.000 đồng/con bò.

- Hỗ trợ chăn nuôi trâu, bò (trâu, bò cái sinh sản; trâu, bò thương phẩm): Mức hỗ trợ tối đa 2.000.000 đồng/con; trồng mới cỏ cho chăn nuôi trâu, bò, mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/ha.

c) Chăn nuôi gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng):

- Gia cầm sản xuất giống: Hỗ trợ một lần tối đa 20.000 đồng/con.

7.3. Về nuôi trồng thủy sản.

a) Đối với nuôi thủy sản bằng lồng trên mặt nước lớn (sông, hồ thủy điện Tuyên Quang, hồ thủy lợi có diện tích mặt nước từ 05 ha trở lên). Hỗ trợ một lần giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 600.000 đồng/lồng đối với lồng nuôi cá truyền thống; 1.600.000 đồng/lồng đối với lồng nuôi cá đặc sản (cá Chiên, cá Bống).

b) Đối với nuôi cá ruộng: hỗ trợ một lần giá trị về giống cho sản xuất vụ đầu. Mức hỗ trợ tối đa 4.500.000 đồng/ha.

c) Đối với nuôi cá ở eo ngách trên hồ thủy điện Tuyên Quang (có diện tích mặt thoáng từ 03 ha trở lên): Hỗ trợ một lần giá trị về giống, mức hỗ trợ tối đa 7.000.000 đồng/ha, nhưng không quá 70.000.000 đồng/eo ngách.

7.4. Về thiệt hại do sâu bệnh, dịch bệnh, thiên tai.

Nhà nước hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh theo quy định tại Quyết định 142/2009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh”.

4. Sửa đổi khoản 8.1, bổ sung khoản 8.2 Mục 8 như sau:

“8. Về khuyến nông

8.1. Kinh phí tập huấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người sản xuất vận dụng theo mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1, Điều 5, Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ: Tài Chính - Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông.

Số lượng người được tập huấn: 100% số chủ dự án và chủ hộ thực hiện dự án.

8.2. Hỗ trợ chi phí quản lý dự án: Mức hỗ trợ bằng 2% kinh phí ngân sách cấp cho thực hiện dự án, tối đa 10.000.000 đồng/dự án trong đó: UBND huyện, thành phố 1%, UBND xã 1%. Nếu chủ dự án là tổ chức thì hỗ trợ thêm 1% cho chủ dự án, mức hỗ trợ tối đa 5.000.000 đồng/dự án”.

5. Sửa đổi Mục 10 như sau:

“10. Hỗ trợ xúc tiến thương mại

10.1. Hỗ trợ một lần kinh phí xây dựng thương hiệu, đăng ký chất lượng sản phẩm (khi sản phẩm được công nhận). Mức hỗ trợ tối đa 100.000.000 đồng.

10.2. Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong vùng sản xuất hàng hoá tập trung chi phí thuê gian hàng khi tham gia Hội chợ triển lãm, giới thiệu sản phẩm của vùng sản xuất hàng hoá tập trung trên địa bàn. Mức hỗ trợ tối đa 4.000.000 đồng/lần/năm đối với hội chợ cấp tỉnh tổ chức, 10.000.000 đồng/lần/năm đối với hội chợ ngoại tỉnh, hỗ trợ tham gia hội chợ quốc tế tùy theo chương trình cụ thể được cấp có thẩm quyền phê duyệt”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này có hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khoá XVII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2011./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Sáng Vang

Phụ lục I
DANH MỤC VÀ QUY MÔ
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng sản xuất
hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng, vật nuôi	ĐVT	Quy mô vùng	Điều kiện khác
A	CÂY TRỒNG			
1	Cây lạc	ha	>50	
2	Cây đậu tương	ha	>50	
3	Cây cam	ha	>20	
4	Cây bưởi	ha	> 20	
5	Cây chuối	ha	>50	
6	Rau	ha	>20	
7	Cây lúa chất lượng	ha	>200	
B	VẬT NUÔI			
1	Giống lợn nái sinh sản	con	từ 30 trở lên	Chủ đầu tư (hộ gia đình, cá nhân, HTX, Doanh nghiệp nuôi theo hình thức tập trung không hỗ trợ nuôi theo nhóm hộ
2	Giống trâu, bò	con	từ 15 trở lên	
3	Lợn thịt hướng nạc	con	từ 150 trở lên	
4	Lợn đực giống ngoại	con	từ 2 trở lên	
5	Gia cầm sản xuất giống nuôi thường xuyên (không tính gia cầm dưới 7 ngày tuổi)	con	từ 300 trở lên	
C	THỦY SẢN			
1	Cá lồng	lồng	>30	Lồng có thể tích hữu ích từ 9m ³ trở lên
2	Cá ruộng	ha	>3	
3	Cá nuôi ở eo ngách lồng hồ thủy điện Tuyên Quang	ha/eo ngách	>3	

Phụ lục II
QUY MÔ DỰ ÁN
Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trong vùng
sản xuất hàng hoá tập trung

TT	Loại cây trồng,	ĐVT	Quy mô của dự án trong vùng sản xuất	Điều kiện khác
A	CÂY TRỒNG			
1	Cây lạc	ha	>10	Nhóm hộ
2	Cây đậu tương	ha	>10	
3	Cây cam	ha	>5	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 0,5 ha trở lên
4	Cây bưởi	ha	> 5	
5	Cây chuối	ha	>25	Nhóm hộ
6	Rau	ha	>5	Nhóm hộ
7	Cây lúa chất lượng	ha	>50	
B	VẬT NUÔI			
1	Giống lợn nái sinh sản	con	từ 30 trở lên	Chủ đầu tư phải nuôi theo hình thức tập trung không hỗ trợ theo nhóm hộ
2	Giống trâu, bò	con	từ 15 trở lên	
3	Lợn thịt hướng nạc	con	từ 150 trở lên	
4	Lợn đực giống ngoại	con	từ 2 trở lên	
5	Gia cầm sản xuất giống nuôi thường xuyên (không tính gia cầm dưới 7 ngày tuổi)	con	từ 300 trở lên	
C	THỦY SẢN			
1	Cá lồng	lồng	30 đến 100	Hộ, cá nhân vùng sản xuất hàng hóa tập trung có từ 3 lồng cá trở lên
2	Cá ruộng	ha	3 đến 20	Hộ, cá nhân thuộc dự án có từ 0,5 ha trở lên liền khoảnh
3	Cá nuôi ở eo ngách lồng hồ thủy điện Tuyên Quang	ha/eo ngách	3 đến 10	